TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2021/HC-PT
Ngày: 18-3-2021
V/v khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Công Thi.**

Bà **Lê Thúy Cầu.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18-3-2021, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 71/2020/TLPT-HC ngày 10-11-2020 về "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2020/HC-ST ngày 25-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 848/2021/QĐ-PT ngày 22-02-2021, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông **Cao P**; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Nguyễn Văn Nh**; địa chỉ cư trú : Tổ dân phố 8, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Giấy ủy quyền ngày 10-6-2020 và ngày 25-9-2020), có mặt.

- *Người bị kiện:* **Ủy ban nhân dân thành phố B**, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 01, đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đoàn Ngọc Th** - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Giấy ủy quyền ngày 07-9-2020), vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông **Phạm Văn T1** -Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B; địa chỉ: Số 327, đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Thị M, sinh năm 1951; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Gia đình ông Cao P được Hợp tác xã T2 cấp đất năm 1987. Đến ngày 09-3-2010, ông Cao P được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt UBND) thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA260881, số vào sổ cấp GCN: CH - 040.10 đối với thửa đất số 181, tờ bản đồ số 8, diện tích 151,2 m^2 đất ở tại đô thị, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ).

Ngày 12-7-2012, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2566/QĐ-UBND về việc thu hồi 593,1 m^2 đất của hộ gia đình ông Cao P đang quản lý, sử dụng tại phường T, thành phố B để xây dựng công trình đường T3, phường T. Cùng ngày, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2586/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường T3, phường T, thành phố B.

Diện tích đất nằm trong phương án bồi thường của gia đình ông P là 834,7 m^2, diện tích thu hồi để làm đường là 593,1 m^2 đất nông nghiệp, diện tích còn lại là 241,6 m^2 (trong đó 151,2 m^2 là đất ở, diện tích đất thu hồi không nằm trong Giấy CNQSDĐ mà hộ ông Cao P đã được cấp).

Xét thấy, UBND thành phố B đã chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Cao P. Cụ thể, ngày 12-7-2012, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2586/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Cao P nhưng đến ngày 22-10-2018 mới có thông báo nhận tiền.

Căn cứ khoản 1 Điều 75; Điều 77; khoản 1, khoản 2 Điều 93 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 106 của Luật Quản lý thuế 2006, sửa đổi bổ sung năm 2013; ông Cao P yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi không ban hành quyết định phê duyệt chậm chi trả cho gia đình ông Cao P sau khi ban hành quyết định thu hồi đất, từ ngày 12-8-2012 đến ngày 27-8-2019 là trái quy định pháp luật. Buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt chậm chi trả cho gia đình ông Cao P trong thời gian từ ngày 12-8-2012 đến ngày 27-8-2019.

Người bị kiện trình bày:

Ngày 12-7-2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất số 2566/QĐ-UBND về việc thu hồi 593,1 m^2 đất của hộ gia đình ông Cao P tại phường T, thành phố B để xây dựng công trình đường T3, phường T (đợt 1) và Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 12-7-2012 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường T3, phường T, thành phố B (đợt 1).

Đến ngày 31-12-2013, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Thông báo số 310/TB-UBND về việc tạm dừng, cắt giảm, giãn tiến độ đối với các dự án đầu tư. Theo đó đường T3 giãn tiến độ xem xét đầu tư sang năm 2015.

Đến ngày 07-6-2017, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 4320/UBND-TH về việc tiếp tục thi công công trình đường T3.

Căn cứ khoản 6 Điều 210 của Luật Đất đai năm 2013 quy định: *"Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của Luật này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo phương án đã dược phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Luật này".*

Căn cứ khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ: *"Trường hợp đã có Quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01-7-2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt"*.

Quyết định số 2586/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường T3, phường T, thành phố B, được ban hành ngày 12-7-2012 là trước ngày 01-7-2014 và trước khi khoản 2 Điều 93 của Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực. Do đó, UBND thành phố B tiếp tục thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Cao P theo Quyết định 2586/QĐ-UBND ngày 12-7-2012 là đúng theo quy định. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Cao P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Thống nhất với nội dung tự khai của người bị kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị M đồng ý với trình bày và yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và không ý kiến gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2020/HC-ST ngày 25-9-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157; Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 205 và Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 6 Điều 210 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cao P về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi của UBND thành phố B không ban hành quyết định phê duyệt chậm chi trả cho gia đình ông Cao P sau khi ban hành quyết định thu hồi đất, từ ngày 12-8-2012 đến ngày 27-8-2019 là trái quy định pháp luật; buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt chậm chi trả cho gia đình ông Cao P trong thời gian từ ngày 12-8-2012 đến ngày 27-8-2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 01-10-2020, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Do không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, nên người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên các nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện; người bị kiện vắng mặt, nhưng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính: Chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện; sửa bản án sơ thẩm, buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt chậm chi trả cho gia đình ông Cao P trong thời gian từ ngày 12-8-2012 đến ngày 27-8-2019.

[2]. Xét kháng cáo của đương sự:

Do đương sự kháng cáo toàn bộ bản án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các vấn đề:

[2.1]. Về tố tụng:

Ông Cao P khởi kiện yêu cầu Tòa án: Tuyên bố hành vi của UBND thành phố B không ban hành quyết định phê duyệt chậm chi trả cho gia đình ông Cao P sau khi ban hành quyết định thu hồi đất, từ ngày 12-8-2012 đến ngày 27-8-2019 là trái quy định pháp luật và buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt chậm chi trả cho gia đình ông Cao P trong thời gian từ ngày 12-8-2012 đến ngày 27-8-2019. Đây là khiếu kiện hành vi hành chính, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và còn trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Điều 30; khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115 và Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 157 của Luật Tố tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung:

Tại Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 12-7-2012, UBND thành phố B quyết định thu hồi 593,1 m^2 đất (chưa được cấp Giấy CNQSDĐ) của hộ gia đình ông Cao P để xây dựng đường T3, phường T, thành phố B và giao cho Trung tâm

Phát triển quỹ đất thành phố chủ trì, phối hợp với UBND phường T và các ngành có liên quan thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt và tại Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 12-7-2012, UBND thành phố B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường T3, phường T, thành phố B (đợt 1): ... Tổng số số hộ bị ảnh hưởng là 52 hộ (trong đó có hộ ông Cao P), tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 4.102.079.871 đồng (Bảng tính chi tiết kèm theo xác định hộ ông Cao P được bồi thương, hỗ trợ 1.150.899.254 đồng).

Tuy nhiên, đến ngày 31-12-2013, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Thông báo số 310/TB-UBND về việc tạm dừng, cắt giảm, giãn tiến độ đối với các dự án đầu tư. Theo đó đường T3 giãn tiến độ xem xét đầu tư sang năm 2015 và đến ngày 07-6-2017, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 4320/UBND-TH về việc tiếp tục thi công công trình đường T3.

Sau khi UBND tỉnh Đắk Lắk quyết định tiếp tục thi công công trình đường T3. Ngày 22-10-2018, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B ban hành Thông báo số 482/TB-TTPTQĐ; ngày 07-11-2018, ban hành Thông báo số 604/TB-TTPTQĐ; ngày 06-12-2018, ban hành Thông báo số 825/TB-TTPTQĐ; ngày 08-7-2019, ban hành Thông báo số 36/TB-TTPTQĐ và ngày 18-7-2019, ban hành Thông báo số 40/TB-TTPTQĐ đều có nội dung thông báo cho ông Cao P đến trụ sở Trung tâm nhân tiền hỗ trợ, bồi thường nhưng ông Cao P không đến nhận và khởi kiện yêu cầu UBND thành phố B phải thực hiện việc chi trả tiền chậm trả.

Tại thời điểm này, Luật Đất đai năm 2013 chưa có hiệu lực pháp luật (có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2014), tại khoản 6 Điều 210 Luật Đất đai 2013 quy định: *"Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của Luật này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo phương án đã dược phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Luật này"* và tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định: *"Trường hợp đã có Quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01-7-2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt"*. Tuy nhiên, tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai quy định: *"8. Bổ sung khoản 6 và khoản 7 vào Điều 34 như sau: Đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường thì việc xử lý bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014"*.

Mặc dù, Quyết định số 2566/QĐ-UBND của UBND thành phố B về việc thu hồi 593,1 m^2 đất của hộ gia đình ông Cao P để xây dựng đường T3 và Quyết định số 2586/QĐ-UBND của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi

thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường T3, phường T, thành phố B, được ban hành ngày 12-7-2012 là trước ngày 01-7-2014, nhưng theo quy định của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ (đã nêu trên), thì việc xử lý bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014. Vì vậy, UBND thành phố B tiếp tục thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Cao P theo Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 12-7-2012 là áp dụng không đúng pháp luật.

Vì vậy, người khởi kiện căn cứ khoản 2 Điều 93 của Luật Đất đai năm 2013 để yêu cầu UBND thành phố B phải thực hiện việc chi trả tiền chậm trả là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Cao P: "Về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi của UBND thành phố B không ban hành quyết định phê duyệt chậm chi trả cho gia đình ông Cao P sau khi ban hành quyết định thu hồi đất, từ ngày 12-8-2012 đến ngày 27-8-2019 là trái quy định pháp luật; buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt chậm chi trả cho gia đình ông Cao P trong thời gian từ ngày 12-8-2012 đến ngày 27-8-2019" là không đúng pháp luật.

[2.3]. Như vậy, kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, nên ông Cao P không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

- Chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện.

- Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2020/HC-ST ngày 25-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; điểm a khoản 2 Điều 193 của luật Đất đai năm 2013; khoản 8 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao P.

- Buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt chậm chi trả cho gia đình ông Cao P trong thời gian từ ngày 12-8-2012 đến ngày 27-8-2019.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 3 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Cao P không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

- Quyết định về án phí sơ thẩm được thực hiện theo Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2020/HC-ST ngày 25-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk lắk;
- Các đương sự (theo đ/chỉ);
- Lưu: h/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Việt Cường